

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HC-PT

Ngày: 24/01/2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Đinh Phước Hòa

Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 298/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2023/HC-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 573/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông Bùi Văn L, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn N, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và Ủy ban nhân dân huyện N; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Chí D - Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Lê Văn T, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, có mặt.

+ Ông Bùi Thế K, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Công ty cổ phần Đ, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Bùi Văn A, sinh năm 1941; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Ông Võ Đăng N1, sinh năm 1967 và bà Bùi Thị N2, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, đều vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1977; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn A, bà Bùi Thị N2, bà Bùi Thị T1: ông Nguyễn N, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Ông N có mặt.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Bùi Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là ông Bùi Văn L và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn N trình bày:

Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp T (*giai đoạn 1*), Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N thu hồi của hộ gia đình ông Bùi Văn A (*cha ông Bùi Văn L*) diện tích đất 989,6m² (*trong đó có 300m² đất ở*) tại thửa đất số 373, tờ bản đồ số 12, thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (*trên diện tích đất 989,6m² có nhà ở*). Ngày 08/8/2016, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 6188/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Bùi Văn A để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp T (*giai đoạn 1*). Trong đó, có bố trí cho hộ đình ông Bùi Văn A 02 lô đất tái định cư tại Khu tái định cư T (*có 01 lô phụ bố trí cho ông Bùi Văn L*).

Đến ngày 20/3/2017, UBND huyện N lại ban hành Quyết định số 2357/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phần tái định cư tại Quyết định số 6188/QĐ-UBND của UBND huyện N, không bố trí tái định cư 01 lô phụ cho ông Bùi Văn L. Ông L có đơn khiếu nại, tại Quyết định số 9572/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện N đã không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông L và giữ nguyên Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện N về việc điều chỉnh phần tái định cư của ông.

Xét thấy, Quyết định số 9572/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N và Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện N đã ban hành không đúng pháp luật,

làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông L. Vì vậy, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 9572/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn L, thường trú tại thôn N, xã T, huyện N *(lần đầu)*.

- Hủy Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện N về việc điều chỉnh phân tái định cư tại Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND huyện N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bố trí đất tái định cư cho hộ ông Bùi Văn L theo đúng quy định của pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Hộ ông Bùi Văn A *(là cha của ông Bùi Văn L)* được UBND huyện N ban hành Quyết định số 5281/QĐ-UBND và Quyết định số 5282/QĐ- UBND ngày 19/7/2016 về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp T *(giai đoạn 1)* tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Namng Nam.

Ngày 26/02/2016, Hội đồng tư vấn đất đai xã T2 họp xét đề nghị bố trí tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án, trong đó hộ gia đình ông Bùi Văn A được bố trí 02 lô đất tái định cư *(trong đó: 01 lô cho hộ ông Bùi Văn A Anh, 01 lô cho hộ ông Bùi Văn L là hộ phụ)*. Trên cơ sở đó, ngày 08/8/2016, UBND huyện N ban hành Quyết định số 6188/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Bùi Văn A để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp T *(giai đoạn 1)* - đợt 2 tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Namng Nam, trong đó bố trí cho hộ gia đình ông Bùi Văn A 02 lô đất tái định cư *(01 lô cho hộ ông Bùi Văn A được hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất, 01 lô cho ông Bùi Văn L nộp 100% tiền sử dụng đất)*.

Tuy nhiên, qua thời gian niêm yết công khai và kiểm tra xác minh của UBND xã T2 phát hiện ông Bùi Văn L đang sử dụng thửa đất số 19, tờ bản đồ số 47, diện tích 115m² *(trong đó có 90m² đất ở)*, trên đất có nhà ở, có nguồn gốc do ông Bùi Văn L nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Võ Đăng N1, bà Bùi Thị N2 theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/3/2010, có chứng thực của UBND xã T2; đồng thời, ông Bùi Văn L đã thực hiện thủ tục xin chuyển mục đích 90m² của thửa đất số 47 sang đất ở và được UBND xã T2 xác nhận vào ngày 16/3/2010.

Theo Công văn số 42/UBND ngày 19/8/2016 của UBND xã T2 về việc dừng bố trí tái định cư cho ông Bùi Văn L thuộc dự án Khu công nghiệp T *(giai đoạn 1)* xã T2 có nội dung hộ ông Bùi Văn L hiện đã có đất ở và nhà ở khác trên địa bàn xã T.

Căn cứ theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thì hộ ông Bùi Văn L đã có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam không sống chung trên thửa đất bị thu hồi nên không đủ điều kiện bố trí tái định cư nên UBND huyện N ban hành Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 để thu hồi lô đất tái định cư của ông Bùi Văn L.

Không thống nhất với nội dung nêu trên, ông Bùi Văn L khiếu nại đến UBND huyện N đề nghị bố trí đất tái định cư cho gia đình ông. Qua kết quả xác minh, ngày 25/12/2019, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 9572/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn L, thường trú tại thôn N, xã T, huyện N (*lần đầu*), với nội dung: không công nhận nội dung khiếu nại của ông Bùi Văn L đối với Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện N về việc điều chỉnh phân tái định cư tại Quyết định số 6188/QĐ- UBND ngày 08/8/2016 của UBND huyện N là đảm bảo đúng quy định. Do đó, việc ông Bùi Văn L yêu cầu hủy Quyết định số 9572/QĐ- UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện N là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Năm 2016, ông Bùi Văn L đã đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 19, tờ bản đồ số 47, diện tích 115m², việc ông Bùi Văn L và bà Bùi Thị T1 được Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 74/2021/QĐST-DS ngày 28/9/2021 về việc ông Bùi Văn L đồng ý trả lại phần diện tích đất được bà Bùi Thị T1 nhờ đứng tên hộ đối với phần diện tích 115m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 47 phát sinh sau thời điểm thu hồi, bồi thường của UBND huyện N.

Tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn A, ông Võ Đăng N1 và bà Bùi Thị T1 trình bày: các ông, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L. Ông Bùi Văn L chỉ đứng tên hộ cho bà Bùi Thị T1 trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngôi nhà trên đất là của bà Bùi Thị T1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2023/HC-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 3, 30, 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 74 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 1, khoản 2 Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L về việc: hủy Quyết định số 9572/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn L, thường trú tại thôn N, xã T, huyện N (lần đầu); hủy Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện N về việc điều chỉnh phân tái định cư tại Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND huyện N; buộc Ủy ban nhân dân huyện N bố trí đất tái định cư cho hộ ông Bùi Văn L theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2023, người khởi kiện ông Bùi Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Bùi Văn L do ông Nguyễn N đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông Bùi Văn L và ông Nguyễn N cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn L nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Văn L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Văn L thì thấy: Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp T (giai đoạn 1); ngày 26/02/2016, Hội đồng tư vấn đất đai xã T2 họp xét đề nghị bố trí tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án, trong đó có hộ gia đình ông Bùi Văn A bị thu hồi đất được bố trí 02 lô đất tái định cư (gồm 01 lô cho hộ ông Bùi Văn A và 01 lô cho ông Bùi Văn L là hộ phụ). Ngày 08/8/2016, UBND huyện N ban hành Quyết định số 6188/QĐ-UBND bố trí đất tái định cư cho hộ ông Bùi Văn A và hộ ông Bùi Văn L như trên. Ngày 19/8/2016, UBND xã T2 đã ban hành Văn bản số 42/UBND đề nghị dừng bố trí tái định cư cho ông Bùi Văn L với nội dung: hộ ông Bùi Văn A được bố trí 02 lô tái định cư (ông Bùi Văn A 01 lô và con ông A là ông Bùi Văn L 01 lô thuộc diện bức xúc chỗ ở), nhưng qua xác minh và kiểm tra, thực tế ông Bùi Văn L đã có đất ở và nhà ở khác trên địa bàn xã T. Ngày 14/3/2017, Công ty cổ phần Đ (thuộc Trung tâm bồi thường và giải phóng mặt bằng tỉnh Quảng Nam) có Tờ trình số 32/TTr-UBND đề nghị UBND huyện N ban hành quyết định hủy bỏ lô đất tái định cư cho hộ ông Bùi Văn L tại vị trí lô số A12-33, diện tích 171,5m² thuộc khu tái định cư T Nam. Ngày 20/3/2017, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2357/QĐ-UBND điều chỉnh phân tái định cư tại Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 08/8/2016, không bố trí tái định cư cho hộ ông Bùi Văn L. Không đồng ý với quyết định nói trên, ông Bùi Văn L khiếu nại. Ngày 25/12/2019, Chủ tịch UBND huyện N ban

hành Quyết định số 9572/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn L, thường trú tại thôn N, xã T, huyện N (lần đầu) không công nhận nội dung khiếu nại của ông Bùi Văn L đối với Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện N. Không đồng ý với quyết định trên, ông Bùi Văn L khởi kiện vụ án hành chính.

Ông Nguyễn N cho rằng, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 12/HĐTC ngày 08/3/2010, bên tặng cho ông Võ Đăng N1, bà Bùi Thị N2 với bên nhận tặng cho ông Bùi Văn L với diện tích đất 115m² thì ông Bùi Văn L đứng tên giúp cho bà Bùi Thị T1 và đã được Tòa án nhân dân huyện Núi Thành ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 74/2021/QĐST-DS ngày 28/9/2021, ông Bùi Văn L đã trả cho bà Bùi Thị T1 115m² đất. Nhưng xét, tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không thể hiện việc ông Bùi Văn L đứng tên giúp cho bà Bùi Thị T1. Sau khi có Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, ngày 16/3/2010 ông Bùi Văn L có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất và được UBND xã T2 xác nhận: ... Ông L hiện nay đã có gia đình riêng, chưa có đất để làm nhà ở tại địa phương và có nhu cầu về đất ở. Nguồn gốc thửa đất trên: Nhận tặng cho quyền sử dụng đất tại hợp đồng số 12/HĐTC ngày 08/3/2010, đất không có tranh chấp. Ngày 06/4/2010, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1682/QĐ-UBND cho phép ông Bùi Văn L được chuyển diện tích 90m² loại đất trồng cây lâu năm khác (có nguồn gốc từ đất vườn tạp) sang đất ở nông thôn. Tại hồ sơ thể hiện biên bản thỏa thuận ngày 06/3/2010, nhưng ông Bùi Văn L và bà Bùi Thị T1 tại phiên tòa sơ thẩm đều thừa nhận biên bản này mới lập sau này. Đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa bà Bùi Thị T1 với ông Bùi Văn L đã được bản án sơ thẩm nhận định: Đây chỉ là nội dung thỏa thuận của các đương sự được Tòa án công nhận, chứ không phải chứng cứ chứng minh sự thật khách quan là ông Bùi Văn L đứng tên thay cho bà Bùi Thị T1 trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất... là có cơ sở.

Từ những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy: Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên xử bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Bùi Văn L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5972/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện N; Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện N và buộc UBND huyện N bố trí đất tái định cư cho hộ ông Bùi Văn L là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Văn L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Bùi Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Văn L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 3; 30; 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 74 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1, khoản 2 Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Bùi Văn L yêu cầu hủy Quyết định số 9572/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn L, thường trú tại thôn N, xã T, huyện N; hủy Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện N về việc điều chỉnh phân tái định cư tại Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND huyện N; buộc UBND huyện N bố trí đất tái định cư cho hộ ông Bùi Văn L theo đúng quy định pháp luật.

2. Về án phí: ông Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ 600.000 đồng ông Bùi Văn L đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002582 ngày 09/12/2020 và số 0000505 ngày 07/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm